TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh A**

Bản án số: **105**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2023 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông Hồ Hữu A, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn T, xã X, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kiều B, sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn T, xã X, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc, nguyên đơn ông Hồ Hữu A trình bày:*** Ông và bà Nguyễn Kiều B đăng ký kết hôn năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã X, thị xã Ninh Hoà và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/2019 ngày 14/5/2019. Trong thời gian chung sống, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, kình cãi do tính cách không hợp, không có tiếng nói chung, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy ông A đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông bà có một con chung là Hồ Trọng C, sinh ngày 16/10/2019. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn ông Hồ Hữu A còn bị đơn bà Nguyễn Kiều B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Toà án không thể lấy ý kiến cũng như tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Hồ Hữu A và cho ông A được ly hôn với bà B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hồ Trọng C, sinh ngày 16/10/2019 cho ông Hồ Hữu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Ông A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn T, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Kiều B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Hữu A và bà Nguyễn Kiều B tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/2019 ngày 14/5/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ban đầu ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hoà do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến rạn nứt quan hệ vợ chồng, đời sống chung không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cho bà B, tuy nhiên không nhận được bất kì ý kiến gì của bà. Vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa ông Hồ Hữu A và bà Nguyễn Kiều B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Ông Hồ Hữu A và bà Nguyễn Kiều B có một con chung là cháu Hồ Trọng C, sinh ngày 16/10/2019. Sau khi ly hôn, ông A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại Biên bản xác minh ngày 07/6/2023 cháu C hiện nay được ở cùng ông Hồ Hữu A và bà Trần Thị M là mẹ của ông A. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu C cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con theo lời trình bày của ông A là có căn cứ.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hữu A.

- Về hôn nhân: Ông Hồ Hữu A được ly hôn bà Nguyễn Kiều B.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Trọng C, sinh ngày 16/10/2019 cho ông Hồ Hữu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Kiều B không cấp dưỡng nuôi con do ông A không yêu cầu.

Bà Nguyễn Kiều B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Hữu A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Hồ Hữu A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000919 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã X (GCNKH số 34/2019 ngày 14/5/2019);
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh Huyền